

CUỘC DU HÀNH CỦA MỘT TẬP TỤC: SỰ LAN TRUYỀN, TIẾP NHẬN VÀ THỰC HÀNH NGHI THỨC KHAI BÚT “THƯỢNG ĐẠI NHÂN...” TẠI TRUNG QUỐC VÀ VIỆT NAM THỜI TIỀN HIỆN ĐẠI

Nguyễn Thanh Tùng*, Trịnh Thuỳ Dương *

Nhận bài: 25/05/2023; Nhận kết quả bình duyệt: 13/07/2023; Chấp nhận đăng: 22/02/2024

©2024 Trường Đại học Thăng Long

Tóm tắt

Bài viết nghiên cứu quá trình lan truyền, tiếp nhận và thực hành của tập tục khai bút “Thượng đại nhân...” tại Trung Quốc và Việt Nam thời kì trung đại. Trong bài viết, tập tục khai bút “Thượng đại nhân...” được nhìn nhận như một tri thức có khả năng du hành qua biên giới các quốc gia tại khu vực Đông Á. Từ việc khảo sát các tài liệu hữu quan, bài viết lược thuật các giả thuyết về nguồn gốc, sự phát triển, ý nghĩa, cách thực hành và tầm ảnh hưởng của tục khai bút “Thượng đại nhân...” tại Trung Quốc và Việt Nam. Bài viết kết luận tập tục này đã khởi nguồn từ Trung Quốc, sau đó tiếp tục được biến cải tại Việt Nam trước khi trở thành một phần của nghi thức nhập học của trẻ em sơ học tại đây. Quá trình tiếp thu và phát triển tập tục này từ Trung Quốc tới Việt Nam điển hình cho sự tiếp biến văn hoá tại Đông Á thời kì tiền hiện đại.

Từ khóa: du hành, tập tục, khai bút, Thượng đại nhân, Trung Quốc, Việt Nam.

1. Mở đầu

Khai bút là một tập tục được duy trì ở nhiều quốc gia Đông Á như Trung Quốc (開筆 kāibǐ), Nhật Bản (書き初め Kakizome), Việt Nam,... từ thời trung đại. Hình thức của tập tục có thể thay đổi qua từng quốc gia hay từng giai đoạn, song đều có điểm chung là được thực hành vào đầu năm mới hoặc khi bắt đầu nhập học, thường sử dụng Hán tự và rất phổ biến với đối tượng là trẻ nhỏ. Tại Trung Quốc và Việt Nam, từng có tập tục cho trẻ sơ học khai bút khi

mới nhập học với dòng chữ gồm 25 chữ, bắt đầu bằng “Thượng đại nhân, Khâu ất dĩ...” (上大人, 丘乙巳...) hoặc “Thượng đại nhân, Thánh ất dĩ...” (上大人, 聖乙巳...)... [từ đây gọi là tập tục khai bút “Thượng đại nhân...”]. Dấu vết của tập tục này còn được lưu lại trong nhiều thư tịch ở cả Trung Quốc và Việt Nam (và có thể ở các nước “đồng văn” khác như: Korea, Nhật Bản... mà chúng tôi chưa có điều kiện khảo sát). Trong đó, riêng tại Việt Nam, tập tục này vừa được tiếp thu một cách tương đối hoàn

* Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

chỉnh, lại vừa tiếp tục có những biến đổi so với tập tục ban đầu được du nhập. Từ việc khảo sát các tài liệu hữu quan, bài viết khảo luận nguồn gốc, sự xuất hiện, diễn biến, mục đích, ý nghĩa, cũng như cách thức thực hành tập tục này từ Trung Quốc đến Việt Nam. Sự lưu truyền của tập tục khai bút "*Thượng đại nhân...*" có thể được nhìn nhận như cuộc du hành (*travel*) của một tri thức chung trong vùng văn hoá chữ Hán (*Hán tự văn hoá khuynh* 漢字文化圈) thời trung đại. Việc nghiên cứu sự biến đổi của tập tục này cũng cho thấy những chiều kích thú vị trong quá trình tiếp biến văn hoá tại Đông Á thời tiền hiền đại.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Sơ lược về tục khai bút "*Thượng đại nhân...*" tại Trung Quốc

Tập tục khai bút "*Thượng đại nhân...*" xuất phát từ truyền thống dạy học chữ Hán cho trẻ em sơ học tại Trung Quốc. Nhưng ngay tại quốc gia này, nội dung khai bút cũng có sự thay đổi qua các thời đại. Đồng thời, nguồn gốc xuất xứ, ý nghĩa, ảnh hưởng của tập tục này cũng khá đa dạng, phức tạp, thậm chí gây nhiều tranh cãi trong học giới. Các nhà nghiên cứu Trung Quốc như Vương

Lợi Khí 王利器 (1997), Đặng Khải 邓凯 (2015), Nhậm Chiêm Bằng 任占鹏 (2021) đã tiến hành nghiên cứu hiện tượng này khá kỹ lưỡng. Những kết quả nghiên cứu của họ sẽ được chúng tôi tổng hợp và tóm lược sau đây, trước khi trở lại với hiện tượng này ở Việt Nam thời trung đại.

2.1.1. Nguồn gốc của tập tục

Cho đến nay, chưa thể khảo được chính xác nguồn gốc của tập tục khai bút "*Thượng đại nhân...*". Diệp Thịnh 葉盛 (1420 – 1474)¹ trong thiên *Miêu chu* 描朱, sách *Thủy Đông nhật ký* 水東日記 (quyển 10)² kể rằng: "Thường thấy Tống học sĩ³ những năm tuổi già vẫn khoe rằng mắt sáng, khéo viết được chữ nhỏ, thường nói đến các chữ ấy. Học sĩ có biết nguồn gốc của chúng chăng?"⁴ (Diệp Thịnh, tr.3b). Rốt cuộc, cũng không có đáp án cho câu hỏi đó. Chúc Doãn Minh 祝允明 (1641 – 1527)⁵ trong thiên "*Thượng phụ thư*" 上父書, sách *Ổ đàm* 猥談 cho biết: "Các chữ ấy không biết bắt đầu từ đâu, nay trẻ con học viết chữ ắt khởi đầu từ 8 câu đó. Việc này cả thiên hạ giống nhau, phùng làm sách có lí giải, mà nói lung

1 *Diệp Thịnh*: Tự là Dữ Trung 與中, hiệu Văn Trang 文莊, là một chính trị gia, tác gia thời Minh.

2 *Thủy Đông nhật ký*: Sách ghi chép về chế độ thời Minh, cùng các di văn, đặt sự, có tham khảo sử truyện.

3 *Tống học sĩ*: Chỉ Tống Liêm 宋濂 (1310 – 1380), chính trị gia, sử gia, triết gia, văn gia nổi tiếng cuối thời Nguyên – đầu thời Minh.

4 Nguyên văn: "嘗見宋學士晚年以眼明自誇, 細書小字, 嘗及此。學士其知所自者耶?"

5 *Chúc Doãn Minh*: Tự là Hi Triết 希哲, hiệu Chi Sơn 枝山, là một văn học gia, thư pháp gia thời Minh, cùng thời với Từ Trinh Khanh 徐禎卿 (1479 – 1511), Đường Dần 唐寅 (1470 – 1524), Văn Trưng Minh 文徵明 (1470 – 1559), xưng là "Ngô Trung tứ tài tử" (bốn tài tử ở đất Ngô).

tung vậy”¹ (Chúc Doãn Minh, 1989, tr.2097). Chữ Nhân Hoạch 褚人獲 (1635 – 1682)² trong *Kiên hồ tập* 堅瓠集³ (Tập 4, Quyển 9) cũng ghi: “[Những chữ ấy – NTT-TTD] Cả thiên hạ đều như vậy, không biết bắt đầu từ đâu!”⁴ (Chữ Nhân Hoạch, tr. 30a). Các nhà nghiên cứu hiện đại đã cố gắng truy tìm, nhưng cũng không có câu trả lời đích xác mà chỉ có những phỏng đoán. Chẳng hạn, Vương Lợi Khí 王利器 (1997) cho rằng 25 chữ đó hẳn là do những nhà nho ở thôn dã tạo ra. Nhưng ý kiến này chưa nhận được sự tán thành vì thiếu các thiết chứng thuyết phục. Căn cứ vào những tư liệu hiện còn, nhiều nhà nghiên cứu chỉ có thể phỏng đoán tập tục này xuất hiện chí ít vào thời Đường唐 (618 – 690; 705 – 907). Có thể tin được điều này bởi trong các văn bản sớm nhất hiện còn (thời Đường), 25 chữ chưa xuất hiện đầy đủ hoặc chứa nhiều sai dị như sẽ thấy dưới đây. Có lẽ, đây vẫn còn là giai đoạn hình thành nên văn bản chưa định hình chính thức (Đặng Khải, 2015).

2.1.2. Các phiên bản “Thượng đại nhân...”

Tại Trung Quốc có nhiều phiên bản “Thượng đại nhân...” khác nhau tồn tại qua các triều đại. Như đã đề cập, những

tư liệu sớm nhất hiện còn nhắc đến tập tục này là từ đời Đường. Cụ thể, một số văn bản như *Đáp Lã Lang trung thư* 答呂郎中書 của Đại Tuệ thiền sư 大慧禪師 (thời Đường Huyền Tông 唐玄宗 [tại vị từ 712 – 756]) hay quyển IV *Mục Châu Trần Tôn Túc* 睦州陳尊宿 kể về nhân vật Trần Bồ Hải 陳蒲鞋 thời Đường Hi Tông 唐僖宗 [tại vị từ 873 – 888]) và quyển XIX *Đề hình Quách Tường Chính cư sĩ* 提刑郭祥正居士 trong *Ngũ đăng hội nguyên* 五燈會元 của Phổ Tế thiền sư 普濟禪師 (thời Nam Tống 南宋 [1127–1279] có nhắc đến 6 chữ “Thượng đại nhân, Khâu ất dĩ” (上大人, 丘乙巳). Các văn bản “mông thư” 蒙書 (sách dạy trẻ con) được tìm thấy tại Đôn Hoàng 敦煌 chép câu dài hơn, nhưng cụm “Thượng đại nhân” lại được chép là “Thượng đại phu” (上大夫). Chẳng hạn, tài liệu mang kí hiệu P.3145 chép: “Thượng đại phu/ Khâu ất dĩ/ Hoá tam thiên/ Thất thập nhị/ Nhữ tiểu sinh/ Bát cử tử/ Ngưu dương vạn khẩu/ Xả trạch bất cửu/ Giáp Tý Ất Sửu/ Lục nhâm khẩu thủ / Chi hồ giả dã/ Thượng sĩ do sơn thủy/ Trung nhân toạ trúc lâm/ Thiên sinh tự hữu tính/ Bình tử bản lưu tâm...” (上大夫, 丘乙巳, 化三千, 七十二, 女小生, 八九

1 Nguyên văn: “字不知何起，今小兒學書必首，此天下同，然書坊有解，胡說耳”.

2 *Chữ Nhân Hoạch*: Tự là Giá Hiên 稼軒 hoặc Học Giá 學稼, hiệu là Thạch Nông 石農, Một Thế Nông Phu 沒世農夫,... quê ở Trường Châu, Giang Tô (nay là Tô Châu, Giang Tô), là một học giả thời cuối Minh – đầu Thanh.

3 *Kiên hồ tập*: Hay *Kiên biểu tập*, là một tập tiểu thuyết bút kí của *Chữ Nhân Hoạch*, hoàn thành

trong khoảng năm Khang Hi thứ 30 (1691) đến năm Khang Hi thứ 42 (1703). Bộ sách phân làm “chính tập” (gồm 40 quyển), các phần “tục”, “quảng”, “bổ”, “mật” mỗi loại 5 tập, tổng 26 quyển. Sách ghi chép lại nhiều giai thoại, dã sử về các nhân vật cổ kim.

4 Nguyên văn: “天下同然，不知何起。”.

子, 牛羊萬口, 舍宅不售。甲子乙丑, 六口壬首, 之乎者也。上仕由山水, 中人坐竹林, 天生自有性, 平子本留心...) (Đặng Khải, 2015, tr.199). Tài liệu mang kí hiệu P.3806 chép: "*Thượng đại phu/ Khâu ất dĩ/ Hoá tam thiên/ Thất thập sĩ/ Nhị tiểu sinh/ Bát cử tử/ Khả tri kì lễ dã*" (上大夫, 丘乙己, 化三千, 七十士, 二小生, 八九子, 可知其礼也). Hoặc bản S.4106 lại có thêm mấy chữ chỉ can chi (*Giáp 甲, Ất 乙, Bính 丙, Đinh 丁...*) hoặc các hư từ (*chi 之, phủ 夫, giả 者, dã 也...*) và các chữ số (*nhất 一, nhị 二, tam 三, tứ 四...*) (Đặng Khải, 2015: 199)... Từ thời Tống 宋 (960 – 1279) trở đi, các văn bản "*Thượng đại nhân...*" ổn định hơn với 25 chữ: "*Thượng đại nhân, Khâu ất dĩ, hoá tam thiên, thất thập sĩ, nhị tiểu sinh, bát cử tử, giai tác nhân, khả tri lễ dã*" (上大人, 丘乙己、化三千、七十士、爾小生、八九子、佳作仁、可知禮也). *Kiên hồ tập* của Chử Nhân Hoạch thời Thanh cũng ghi nhận phiên bản này trong thiên "*Thượng đại nhân*" (上大人) (Chử, tr.29b-30a). Tuy nhiên, giai đoạn

này cũng xuất hiện thêm nhiều dị bản với những xuất nhập về câu chữ, hoặc thêm thắt phía sau cụm 25 chữ cho dài hơn¹, thậm chí có ý kiến đề xuất bỏ 25 chữ ấy và thay thế bằng 24 chữ mới chỉ con số và phương hướng². Những phiên bản "*Thượng đại nhân...*" được thêm thắt câu chữ, hoặc đề xuất thay hẳn 25 chữ trong cụm "*Thượng đại nhân...*" phản ánh những cách hiểu và ứng dụng khác nhau đối với văn bản "*Thượng đại nhân...*" (sẽ được nói kĩ hơn ở phần sau). Đặc biệt, từ cuối thời Nguyên 元 (1271 – 1368) – đầu thời Minh 明 (1368 – 1644), bắt đầu có ý kiến về việc kiêng huý chữ "*Khâu*" (丘) trong văn bản "*Thượng đại nhân...*". Từ đó, ở Trung Quốc, các chữ "*Khâu ất dĩ*" (丘乙己) có thể được viết tránh là: "*Khâu ất dĩ*" (邱乙己), "*Mỗ ất dĩ*" (某乙己), "*Khổng ất dĩ*" (孔乙己), "*Khổng phu tử*" (孔夫子)... Đặc biệt, đến thời Thanh 清 (1636 – 1912), khi Hoàng đế Ung Chính 雍正 (1678 – 1735) hạ lệnh phải tị huý chữ "*Khâu*" (丘), chữ này trong văn bản 25 chữ gần như biến mất. Cách tị huý phổ

1 Chẳng hạn, Diệp Thịnh trong *Thủy Đông nhật kí* có ghi lại văn bản: "*Thượng đại nhân, Khâu ất dĩ, hoá tam thiên, thất thập sĩ, nhị tiểu sinh, bát cử tử, giai tác nhân, khả tri lễ dã. Thượng sĩ do sơn thủy, trung nhân toạ trúc lâm, vương sinh tự hữu tính, bình tử bản lưu tâm. Vương tử khứ cầu tiên, đan thành nhập cửu thiên. Sơn trung phương thất nhật, thế thương dĩ thiên niên*" (上大人, 丘乙己, 化三千, 七十士, 尔小生, 八九子, 佳作仁, 可知禮也。尚仕由山水, 中人坐竹林, 王生自有性, 平子本留心。王子去求仙, 丹成入九天。山中方七日, 世上已千年) (Diệp, tr.3a).

2 Chẳng hạn, Tạ Ứng Phương 謝應芳 (1295 – 1392) trong *Quy sào tập* 龜巢集 (quyển 18, "Học thư" 學

書) cho rằng văn bản 25 chữ đã phạm huý Khổng Tử, hơn nữa ngữ nghĩa của 6 chữ cuối (*giai tác nhân, khả tri lễ*) trái ngược, không chính xác, nên kiến nghị loại bỏ 24 chữ này (không tính chữ "*dã*") và thay thế bằng 24 chữ khác là: "*nhất nhị tam tứ ngũ lục thất bát cửu thập bách thiên vạn triệu*" (一 二 三 四 五 六 七 八 九 十 百 千 萬 兆) và "*đông tây nam bắc thượng hạ tả hữu tiền hậu*" (東 西 南 北 上 下 左 右 前 後). Kiến nghị của Tạ Ứng Phương cơ bản không nhận được sự hưởng ứng nhưng có vẻ như phần nào cũng được tiếp thu ở chi tiết "phạm huý" Khổng Tử (Tạ, 1986, tr.329).

biến nhất thời Thanh là biến “*Khâu ất dĩ*” thành “*Khổng phu tử*”.

2.1.3. Giả thuyết về ý nghĩa của văn bản và tập tục

Có nhiều cách giải thích (chi tiết và cụ thể) cho ý nghĩa của văn bản cũng như tập tục khai bút “*Thượng đại nhân...*”, nhưng tựu trung có 3 cách giải thích chính như sau:

Thứ nhất, 25 chữ trên không có ý nghĩa gì đặc định, cụ thể (hoặc ý nghĩa đã bị lãng quên, “thất truyền”), đơn giản chỉ là những chữ ít nét, dễ viết và vì vậy được dùng cho trẻ em sơ học tập viết chữ. Tiêu biểu cho cách lí giải trên là quan niệm của Đào Tông Nghi 陶宗儀 (1322 – 1403), Diệp Thịnh, Tiền Đại Chiêu 錢大昭 (1744 – 1813)... Sách *Quy điền toả kí* 歸田瑣記 (Quyển 6) của Lương Chương Cừ 梁章鉅 (1775 – 1849) chép: “Sách *Thuyết phu*¹ (của Đào Tông Nghi) cũng ghi chép các chữ ấy, đại để cho rằng nét bút ít, dễ tiếp thu”² (Lương). Diệp Thịnh trong thiên *Miêu chu* 描朱 sách *Thủy Đông nhật ký* (quyển 10) viết: “Có người cho rằng: “Chỉ là lấy nét chữ ít và đơn giản chứ không có nghĩa gì khác. Hoặc có người nói: Có ý nghĩa có thể giải thích nhưng đã mất rồi”³ (Diệp Thịnh, tr.3a-b). Tiền Đại Chiêu trong thiên “*Thượng đại*

nhân”, sách *Nhĩ ngôn* 邇言 (Quyển 5) cũng cho rằng: “Nay trẻ con theo thầy học tập, thường viết các chữ “*Thượng đại nhân...*”, chẳng qua là chọn chữ ít nét cho tiện học mà thôi”⁴. Quan niệm này có phần đơn giản, tránh đi sâu vào việc phân tích chữ nghĩa phiền phức, cũng vì vậy tránh được việc phải lí giải sự tồn tại phức tạp, đa dạng của các dị bản nên dễ dàng chấp nhận các dị bản đó (miễn sao là chữ ít nét, đơn giản để trẻ em tập viết). Đây là quan niệm thiên về hình thức văn tự của tập tục, không quan tâm nhiều đến ngữ nghĩa.

Thứ hai, bên cạnh việc khẳng định 25 chữ trên là những chữ ít nét, dễ hiểu, vì vậy dễ học viết đối với trẻ em sơ học (như quan niệm thứ nhất), còn có giải thích các chữ này phản ánh tư tưởng Nho gia và có liên quan đến Khổng Tử. Theo đó, 25 chữ “*Thượng đại nhân...*” là để tôn xưng Khổng Tử nói riêng và tư tưởng Nho gia nói chung. Còn câu chữ cụ thể, đặc biệt ở một số dị bản (như “*Thượng đại phu*”, “*Khâu ất kĩ*”, “*giai tác nhân*”,...) thì còn có chỗ khó hiểu, có lẽ là do “tam sao thất bản” trong quá trình lưu truyền, ứng dụng. Tiêu biểu cho quan điểm này là ý kiến của Trần Úc 陳鬱 (? – 1275) trong *Tàng Nhất thoại du* 藏一話腴 (phần *Phụ lục* 附錄):

1 *Thuyết phu*: Sách của Đào Tông Nghi thời Nguyên Mạt - Minh sơ, gồm 100 quyển, thu thập văn chương, bút kí, tạp kí của các tác gia từ thời Tần Hán đến Tống Nguyên. Tuy nhiên, kiểm tra sách *Thuyết phu*, chúng tôi lại không tìm thấy thông tin trên (Đào Tông Nghi).

2 *Nguyên văn*: “說郭中亦載之，大抵取笔画稀少，易於識認耳”.

3 *Nguyên văn*: “或雲僅取字畫簡少無他義，或雲義有了可解者，且有出也”.

4 *Nguyên văn*: “今童子就傅，往往寫‘上大人孔乙己化三千七十士’雲雲，不過取其筆畫少而便習耳”.

– “Đại nhân”, là từ chỉ thánh nhân. Bên trên có người như thế, chính là Khổng Tử. “Khâu” là tên của Khổng Tử, tự thân mình giáo hoá 3000 học trò, trong đó có 72 người hiền, nhưng chỉ nói 70, đó là dùng số tròn thôi. “Giai” tức là tốt. “Tác” tức là làm. Đó là người đảm đương việc tốt mà làm điều nhân. “Khả” tức là chịu. Lại nên chịu như thế mà biết lễ tiết, không biết lễ thì lấy gì mà tự lập? Nếu có thể làm người biết lễ, thì làm Khổng Tử cũng làm được. Đoạn này có 25 chữ, mà chữ “nhĩ” đứng giữa, nửa trên là nói phẩm chất “thánh” của Khổng Tử, nửa sau dạy học trò học làm theo Khổng Tử. Còn về chữ thì gọn gàng, mong cho dễ viết; ngôn ngữ lại hiệp vần, là để thuận miệng dễ đọc. Bốn chữ “kĩ”, “sĩ”, “tử”, “lễ” là hợp âm vận. Chữ “dĩ” là trợ ngữ ở cuối để kết lại đoạn văn. Tuy không văn vẻ, nhưng muốn nói lí, là khiến cho trẻ nhỏ dễ thông hiểu vậy”¹ (Trần Úc, 1988, tr.9110).

Giải thích của Trần Úc được nhiều người (ở thời trung đại và hiện đại) tán đồng và cũng trở thành quan điểm quan phương, phổ biến ở Trung Quốc².

Thứ ba, có quan niệm thừa nhận tính chất ít nét, dễ hiểu của 25 chữ, nhưng lí giải 25 chữ trên chỉ việc Khổng

Tử dâng thư lên cha. Tiêu biểu là ý kiến được ghi nhận trong tác phẩm *Ổ đàm* 猥談 của Chúc Doãn Minh 祝允明 (1641 - 1527):

– “Trước có một người bạn nói với tôi: Đây là bức thư của Khổng Tử dâng lên cha mình vậy. Câu “Thượng đại nhân”, chữ “thượng” là dâng thư. “Đại nhân” là chỉ Thúc Lương Ngật. “Khâu” là chỉ tên thánh nhân. Đây là thư Khổng Tử dâng lên cha mình vậy. “Thượng đại nhân” là một câu; còn “Khâu” là một câu, chỉ tên Khổng Tử vậy. “Át dĩ hoá tam thiên thất thập sĩ nhĩ” là một câu. “Át” một khi đã thông, là ý nói một thân hoá thành kẻ sĩ, thì có được như thế. “Tiểu sinh bát cử tử giai” là một câu, có lẽ “bát cử” là 72 vậy, ý nói trong 3.000 người thì 72 người càng giỏi. “Tác nhân khả tri lễ dĩ” là một câu, chữ “tác” (作) cũng như chữ “vi” (為), còn “nhân”, “lễ” dùng như nhau; 70 đệ tử giỏi làm điều nhân, thì với lễ có thể biết được vậy. Đại khái chọn chữ ít nét, để dạy trẻ con, lại phụ hội thêm chút giáo lí”³ (Chúc Doãn Minh, 1989, tr.2097).

Cách giải thích mà Chúc Doãn Minh ghi nhận khá mới mẻ và vì vậy gây nhiều tranh cãi, phản bác. Một số câu

1 Nguyên văn: “大人者，聖人之通稱也。在上有大底人，孔子是也。丘是孔子之名，以一個身己，教化三千徒弟，其中有七十二賢士，但言七十者，舉其成數也。爾是小小學生，八九歲底兒子，古人八歲始入小學也。佳者，好也。作者，為也。當好為仁者之人。可者，肯也。又當肯如此知禮節，不知禮，無以立也。若能為人知禮，便做孔子也做得。凡此一段也二十五字，而爾字居其中，上截是孔子之聖也，下截是教小兒學做孔子。其字書從省者，欲易於書寫，其語言協韻者，欲順口好讀，己、士、子、禮四字是音韻相協也。也之一字，乃助語以結上文耳。雖不文，欲使理到，使小兒易通曉也”。

2 Ngoài ra còn có cách giải thích của Hứa Khâm Văn 許欽文 (1897 – 1984). Ông cho rằng câu “Thượng đại

nhân, Thánh át dĩ” nghĩa là “Thượng cổ đại nhân Khổng thị nhất nhân nhi dĩ” (上古大人孔氏一人而已) [Thời Thượng cổ người vĩ đại chỉ có một mình Khổng Tử mà thôi] (Hứa, 1961, tr.1-8). Suy cho cùng, đây cũng vẫn là cách giải thích theo tư tưởng Nho giáo. 3 Nguyên văn: “向一友謂予：『此孔子上其父書也。上大人(句，上，上書大人，謂叔梁紇)，丘(句聖人名)，乙己化三千七十士爾(句，乙一通言，一身所化士如許)，小生八九子佳(句，八九七十二也，言弟子三千中，七十二人更佳)，作仁(句，作猶為也)，可知禮也(仁禮相為用，言七十子善為仁，其於禮可知)。大概取筆畫稀少，開童子稍附會理也』”。

được giải thích cũng có vẻ khiên cưỡng. Song, dường như nó vẫn được một hưởng ứng nhất định (chẳng hạn, tiểu thuyết *Cô vọng ngôn* 姑妄言 thời Thanh hay một truyện cổ ở Đài Loan mang tên *Thượng đại nhân* 上大人 (Đặng Khải, 2015, tr.201)). Dấu sao, tinh thần của cách giải thích thứ ba này vẫn là theo tư tưởng Nho gia (sùng thánh, tôn lễ).

Dù có khác nhau nhưng điểm chung giữa cả ba cách giải thích trên là: 25 chữ “*Thượng đại nhân...*” là những chữ dễ để cho trẻ em bắt chước tập viết khi mới nhập học. Cách thức tổ chức 25 chữ khá giống với cách tổ chức của sách *Tam tự kinh* 三字經 (ngắt 3 chữ một, có vần chân, các chữ truyền tải một thông điệp nhất định, trong đó có tư tưởng Nho gia) dường như cũng để phục vụ mục đích “nhập môn” dễ học, dễ thuộc cho trẻ sơ học. Cũng từ 3 quan điểm trên, có thể thấy, phần lớn đều thừa nhận 25 chữ khai bút đều có mục đích “giáo huấn” tư tưởng Nho gia (mà giải thích của Trần Úc có vẻ hợp lí hơn cả).

Một số dị bản của câu “*Thượng đại nhân...*” có sửa đổi, thêm thắt chữ lạ, hoặc dùng trong hoàn cảnh đặc biệt, ngoài nguyên nhân đến từ những nhiễu động, tam sao thất bản trong quá trình lưu truyền, còn có thể là kết quả của việc chịu ảnh hưởng từ các nguồn tư tưởng, tri thức khác ngoài Nho giáo (như Phật giáo, Đạo giáo hoặc phương kĩ, thuật số,...).

2.1.4. Cách thức viết chữ “*Thượng đại nhân...*” và một số ứng dụng khác của tập tục

Những chữ này được viết (thường do thầy dạy thực hiện) hoặc khắc in (do thợ khắc in theo mẫu viết) lên trên tấm gỗ, giấy bằng mực đỏ. Trẻ em sẽ đặt tờ giấy dó mỏng lên trên tấm gỗ, tờ giấy đỏ mà tập tô (bằng mực đen) hoặc nhìn vào chữ mẫu mà viết lại. Hoặc có thể cũng có giấy in sẵn viền các chữ đó bằng mực đỏ, trẻ em sẽ dùng bút đen để tô chữ, dần dần viết được chữ. Chẳng hạn, Diệp Thịnh mô tả cách thức đó vẫn tắt như sau: “Mấy chữ trên đây, phàm là trẻ con trường làng, kịp tới lúc tập tô chữ, đều bắt đầu với cái này, gọi là “miêu chu” (mạc đỏ)”¹ (Diệp Thịnh, tr.3a). Ngoài ra, trong giới hạn của mình, chúng tôi chưa tìm tư liệu nào ghi chép về tập tục phức tạp hơn liên quan tới tập tục viết chữ dành cho trẻ em này tại Trung Quốc.

Vượt ra ngoài không gian của giáo dục Nho giáo, tập tục viết chữ “*Thượng đại nhân...*” còn có một số ứng dụng khác trong văn hoá Trung Quốc. Ở Trung Quốc, ngay từ thời Đường, ngoài việc lan truyền rộng rãi trong giáo dục khắp cả nước, tập tục này đã có dấu ấn trong các văn bản và thực hành tôn giáo (Phật giáo, Đạo giáo). Trong Phật giáo, tập tục này được dùng trong các ngữ lục, công án Thiền. Chẳng hạn, truyện *Đề hình Quách Tường Chính cư sĩ* trong Quyển 19 *Ngũ đăng hội nguyên*, hay *Như Tịnh hoà thượng ngữ lục* 如淨和尚

¹ Nguyên văn: “已上數語，凡鄉學小童，臨仿字書，皆昉於此，謂之描朱”。

語錄 của Tống Văn Tố 宋文素 (? - ?) cũng nhắc đến câu này như một lời giải đáp về vấn đề Thiền học. Trong Đạo giáo, “Thượng đại nhân...” được dùng như những câu “khẩu quyết” phản ánh tư tưởng thần tiên, tu hành. Những phiên bản “Thượng đại nhân...” chịu ảnh hưởng tư tưởng này có thể kể đến tư liệu Đôn Hoàng kí hiệu P.3145 (Thư viện quốc gia Pháp) hay phiên bản “Thượng đại nhân...” được Diệp Thịnh viết lại trong *Thủy Đông nhật kí* như đã kể trên. Từ đó về sau, tập tục viết chữ “Thượng đại nhân” ngày càng phát triển và còn lan sang lĩnh vực như văn học nghệ thuật, giải trí,... Trong văn học, “Thượng đại nhân...” đi vào các tác phẩm thơ ca, từ khúc, hí khúc (Nam hí), tiểu thuyết, bút kí,... Chẳng hạn, trong lĩnh vực văn học, “Thượng đại nhân...” xuất hiện trong câu khẩu quyết của nhân vật Trư Bát Giới ở hồi 85 *Tây du kí* của Ngô Thừa Ân nhằm tái hiện một phép thần thông biến hoá của Đạo giáo,

hoặc trong tên gọi nhân vật Khổng Ất Kỷ 孔乙己 trong truyện ngắn cùng tên của Lỗ Tấn 魯迅 (1881 - 1936) nhằm ám chỉ Nho giáo. Trong lĩnh vực giải trí, ở vùng Lương Hồ xuất hiện bộ bài giấy “Thượng đại nhân” gồm có 100 lá, trong đó có 4 lá trắng; 96 lá viết chữ, cứ 4 lá với 4 màu khác nhau thì viết 1 chữ trong tổng số 24 chữ - 4 chữ cuối không phải là “khả tri lễ” mà là “phúc lộc thọ” (福祿壽). Như vậy, có thể thấy, tục khai bút gắn với 25 chữ có ảnh hưởng rất rộng, không chỉ bó hẹp trong phạm vi Nho giáo, mà còn được ứng dụng trong Phật giáo, Đạo giáo,... đồng thời đi vào những hoạt động phong phú, đa dạng khác của đời sống. Cùng với sự lan toả của văn hoá Hán trong khu vực, tục khai bút “Thượng đại nhân...” đã lan truyền ra bên ngoài Trung Quốc, tới các nước “đồng văn”, thậm chí lan sang cả Tây Vực (Đặng Khải, 2015, tr.201-202).



Hình 1. Bộ bài “Thượng đại nhân” tại Trung Quốc và hoa văn (Ảnh: Zhihu)



Hình 2. Một số dị bản “*Thượng đại nhân...*” tại Trung Quốc (Ảnh: Wapbaike)

2.2. Tập tục khai bút “*Thượng đại nhân...*” tại Việt Nam

Là một quốc gia Đông Á, nằm trong vùng văn hoá chữ Hán, Việt Nam cũng tiếp nhận tập tục viết chữ “*Thượng đại nhân...*”. Những dấu vết của tập tục này có thể được tìm thấy tại Việt Nam từ khoảng thế kỉ XV và trong những thế kỉ sau đó qua nhiều tư liệu. Việc thực hiện tập tục viết chữ “*Thượng đại nhân...*” tại Việt Nam cũng có những điểm thú vị và khác biệt so với Trung Quốc.

2.2.1. Thời điểm xuất hiện của tập tục tại Việt Nam

Cho đến nay, chưa tìm thấy tư liệu nào khẳng định thời điểm tập tục này xuất hiện tại Việt Nam một cách cụ thể và chắc chắn. *Sơn cư tạp thuật* 山居雜述 của Đan Sơn cư sĩ 丹山居士¹ cho biết: “[Tục này] không biết từ đâu. Có người nói: “*Bắt đầu từ Lê Văn Hưu*””² (Đan Sơn, tờ 14b). Xét theo sinh thời

của Lê Văn Hưu 黎文休 (1230 – 1322), tập tục này hẳn phải xuất hiện tại Việt Nam từ khá sớm – cuối thế kỉ XIII – đầu thế kỉ XIV. Tuy nhiên, thái độ của Đan Sơn cư sĩ khi đề cập đến vấn đề trên không có sự chắc chắn. Không rõ ai là người đưa ra quan điểm tập tục này có từ thời Lê Văn Hưu và quan điểm ấy dựa trên cơ sở nào. Khảo sát *Đại Việt sử kí toàn thư* - tác phẩm còn lại được xây dựng trên nền tảng *Đại Việt sử kí* của Lê Văn Hưu, chúng tôi không tìm thấy thông tin nào về tập tục viết chữ “*Thượng đại nhân...*” (Ngô Sĩ Liên và ctv). Mặc dù vậy, điều đó cũng không đủ để phản bác giả thuyết trên (có thể tập tục này được ghi nhận trong một tư liệu khác của Lê Văn Hưu hoặc của những người đương thời, nhưng nay đã không còn được lưu lại). Ghi chép trong *Việt kiều thư* 越嶠書 của Lí Văn Phượng 李文鳳 (1500 – 1559) cũng cho thấy tập

1 *Đan Sơn cư sĩ* (? – ?): Hiện chưa rõ Đan Sơn là ai, chỉ biết rằng ông quê ở Thanh Hoá, sống vào khoảng nửa cuối thế kỉ XVIII – đầu thế kỉ XIX, trải qua các triều đại Lê - Trịnh - Nguyễn (Trung hưng 中興, 1533 – 1789), Tây Sơn 西山 (1778 – 1802),

thậm chí đầu triều Nguyễn 阮 (1802 – 1945). Tác phẩm được viết khi Đan Sơn ẩn cư ở một vùng rừng núi hẻo lánh để tránh loạn.

2 Nguyên văn: “不知何自。或曰何始自黎文休”.

tục này có thể đã xuất hiện tại Việt Nam muộn nhất từ cuối thời Trần 陳 (1226 – 1400). Sách *Việt kiệu thư* dẫn chỉ dụ (năm 1406) của Minh Thành Tổ 明成祖 (1360 – 1424) về việc chinh phạt An Nam, trong đó có đoạn viết: “Bình lính vào nước ấy, ngoại trừ ván in và sách kinh của đạo Phật, đạo Lão không thiêu huỷ; tất cả thư tịch, ván in cho đến những loại vở trẻ con quê mùa tập viết như “*Thượng đại nhân, Khâu ất dĩ*”, một mảnh một chữ đều phải đốt hết. Khắp trong nước ấy, phàm những nơi di tích có bia do Trung Quốc dựng thì giữ lại, còn các bia do An Nam dựng thì phá huỷ hết, một chữ cũng không để còn”¹ (Lí Văn Phụng, tr.695). Trong chỉ dụ ngày 21 tháng Năm năm Vĩnh Lạc 永樂 thứ 5 (1407), Minh Thành Tổ nhắc lại: “Nhiều lần đã ra chỉ dụ các ngươi rằng: Phàm ở An Nam, tất cả các ván khắc thư tịch cho đến từng mảnh từng chữ của loại vở trẻ con quê mùa tập viết như “*Thượng đại nhân, Khâu ất dĩ*”, cùng những tấm bia xứ ấy tự dựng lên, hề trông thấy là huỷ ngay lập tức, một chữ cũng chớ để sót lại...”² (Lí Văn Phụng, tr.708). Thông tin từ các chỉ dụ của Minh Thành Tổ cho thấy, trước năm 1406, ở Đại Việt hẳn đã tiếp nhận và phổ biến tập tục viết chữ “*Thượng đại nhân...*”. Tư liệu trên cũng cho biết,

phiên bản được dùng ở Đại Việt từ thời Hồ trở về trước là “*Thượng đại nhân/Khâu ất dĩ*”. Cố nhiên, không loại trừ khả năng việc Minh Thành Tổ nhắc đến các chữ “*Thượng đại nhân, Khâu ất dĩ*” trong các chỉ dụ chỉ là một cách diễn đạt gọi sách học vỡ lòng của trẻ em theo thói quen, không nhất thiết cho thấy loại sách sơ học tại Việt Nam phải có dòng chữ ấy. Tuy nhiên, trong cả hai chỉ dụ trên, Minh Thành Tổ đều đang cố gắng liệt kê các loại thư tịch, văn bia cần thiêu huỷ tại An Nam một cách thật chi tiết, rõ ràng. Mặt khác, với sự giao lưu truyền bá văn hoá giữa hai nước trong vùng văn hoá chữ Hán đương thời (cũng như trước đó), việc trẻ em Việt Nam tiếp thu tập tục khai bút “*Thượng đại nhân...*” và sử dụng những dòng chữ ấy trong các sách vỡ học tập của mình ở thời kì này hoàn toàn có thể xảy ra. Những tài liệu về sau tại Việt Nam càng chứng minh cho sự hiện diện của tập tục đó tại Việt Nam.

2.2.2. Diễn biến cụ thể của thực hành tập tục

Diễn biến cụ thể của thực hành tập tục viết chữ “*Thượng đại nhân...*” có thể được tìm thấy trong một số tư liệu như sau:

1 Nguyên văn: “一兵入，除釋道經板經文不毀外，一切書板文字以至禮俗童蒙所習，如上大人丘乙己之類片紙隻字悉皆毀之，其境內凡有古昔中國所立碑刻則存之，但是安南所立者悉坏之，一字勿存”。

2 Nguyên văn: “屢嘗諭爾凡安南所有一切書板文字。以至俚俗童蒙所習。如上大人丘乙己之類。

片紙隻字及彼處自立碑刻。見者即便毀壞勿存。今聞軍中所得文字不即令軍人焚毀。必檢視然後焚之。且軍人多不識字。若一一令其如此。必致傳遞遺失者多。爾今宜一如前敕。號令軍中但遇彼處所有一應文字即便焚毀。毋得存留”。

Tư liệu đầu tiên nhắc tới tập tục này là *Sơ học chỉ nam* 初學指南 của Nguyễn Huy Oánh 阮輝儻 (1713 – 1790?). Theo đó, tập tục viết chữ “*Thượng đại nhân...*” tại Việt Nam gắn liền với một nghi thức nhập học của trẻ 6 tuổi. Nghi thức này được tổ chức long trọng, bài bản với những quy trình và nguyên tắc cố định. Toàn bộ nghi thức gắn với tập tục viết chữ “*Thượng đại nhân...*” được mô tả một cách hết sức tỉ mỉ trong tài liệu của Nguyễn Huy Oánh.

“Phàm nhập học cho trẻ thì nên chọn ngày lành, trai giới trước đó một ngày, bày biện: chính giữa bày 1 bài (bài vị là Tiên sư Khổng Tử), bên trái bên phải bày 2 bàn (thờ tứ phối), phía đông bày 1 bàn (thờ tiên sư); chính giữa có 1 tờ hương án (đặt bản chúc và 1 đài đèn đuốc), trước án đặt 1 bàn thấp (bên trên đặt 1 tấm ván gỗ - dài 6 tấc, rộng 4 tấc 5 phân, trang bằng mực, dùng gấm bọc lấy tấm ván dài 3 thước 4 tấc, 5 đôi bút mới, 5 tờ giấy vàng, 5 thỏi mực son, 2 hòn đất sét, 1 cái chén sạch, 1 hồ nước “Tam Kỳ”, 1 tấm gương nhỏ, 1 con dao nhỏ, 1 cái đèn nhỏ), bên trái đặt 1 chậu nước rửa tay (1 cái khăn lau dài thước năm tấc). Nhà giàu thì thêm con vật cúng lễ và tiền; lễ thường thì dùng 1 con gà trống, 4 con cá chép, 6 mâm xôi, rượu, quả, tiền vàng, trầu đẹp, dùng 1 miếng thịt ức (bên cạnh thờ tiên sư), 4 đôi đèn nến, 10 chén rượu. Nghi thức hành lễ như sau: đứng theo xếp hàng (chủ tế đứng trước, đứa trẻ theo sau), đón thánh

linh, khom người bái lễ (4 lần), đứng dậy, đứng thẳng, đến bên hương án, quỳ xuống khấn rằng: “*An Nam quốc, phủ, huyện, xã này, thần là Nguyễn mõ, nay có đứa con thân sinh (hoặc cháu, hoặc học trò), sinh năm như thế này, chọn được ngày tốt, nguyện vào học tiểu học, thụ nghiệp ở tiên thánh tiên sư, cúi mong giáng lâm*”. Quỳ xuống, đứng lên, đứng thẳng. Lại quay lại chỗ cũ dâng lễ. Đến chỗ chậu nước rửa, rửa tay (chủ tế và đứa trẻ cùng rửa). Lau tay. Đến trước hương án, quỳ xuống dâng chén “*tước*” (chỉ ở giữa một chỗ), cúi lạy, đứng lên, đứng thẳng, một lát lại quỳ xuống khấn rằng: “*Niên hiệu vua, tuế thứ (can chi), tháng (can chi), tới ngày (can chi), mõ phủ huyện xã. Tế chủ (đầy đủ chức quan) là Nguyễn mõ, nay vì có con là mõ, mới vào tiểu học, kính cần đem mõ vật, xin được kính cáo trước thần vị chí thánh tiên sư Khổng Tử. Kính nghĩ: Tổ vương noi đạo Nghiêu Thuấn, hiến chương văn võ, san định sáu kinh, dạy bảo muôn đời. Xưa nay dạy con trẻ kính cần dâng lên lễ mọn, những mong xét soi tất thành, khéo léo dẫn dụ, học tiến dần dần, từng bước đi lên, thông muôn vạn quyển, khoa mục nhiều phen, đạo thống được lưu truyền, tư văn mãi lâu bền*”. Cúi lạy: Duyệt Quốc Phục Thánh Công (Nhan Tử), Thành Quốc Tông Thánh Công (Tăng Tử), Nghi Quốc Thuật Thánh Công (Tử Tư), Chu Quốc Á Thánh Công (Mạnh Tử). Phối hưởng. Cúi lạy, đứng lên, đứng thẳng. Hành lễ dâng

rượu lần thứ hai. Dâng chén "tước" (chia ra dâng các vị). Cúi lạy, đứng lên, đứng thẳng. Tiến hành dâng lễ lần cuối. Quỳ. Dâng chén "tước" (chia ra dâng các vị). Cúi lạy, đứng lên, đứng thẳng. Quay lại chỗ cũ, rửa tay, đến chỗ cái bàn (nhìn về phía tây, lấy dao nhỏ rọc giấy vàng ra vẽ bùa). Lấy bút đỏ hun khói hương và khấn: "Thái thượng nhận bùa, dâng bình an, truyền cho 5 tạng mở mang sáng rõ, học một biết mười". Khấn xong thì vẽ bùa như hình vẽ: [sách vẽ hình 3 đạo bùa của Đạo giáo - NTT-TTD]. Vẽ xong lấy nước Tam Kỳ, nghiêng chén sạch ra, lấy miếng kính xấp nước trúng vào chén (người giàu sang có thể dùng hạt minh châu), đốt ba đạo bùa, cho vào trong chén, rồi cho đứa trẻ uống. Khấn rằng: "Thái thượng nhận bùa, dâng bình an, truyền cho 5 tạng mở mang sáng sửa, học một biết mười". Lại lấy hai mắt của cá chép, trao cho đứa trẻ và khấn rằng: "Họ tên của bậc chí thánh là Bá Ngự, nuốt hai con mắt này, nên thông minh trời ban". Lại trao cho mực son, cùng đứa trẻ mài và khấn rằng: "Tinh của Thái Dương xuống ẩn ở đất này, người hãy mài nó ra mà sửa sang việc văn

chương". Tiếp tục lấy bút đỏ đề lên ván gỗ mấy chữ: "Thượng đại nhân, thánh ất dĩ" (ở bên đề ngày tháng năm đặt bảng, phía sau biện chữ: "Thiên tích thông minh, thánh phù công dụng"). Lấy bao gấm dài 3 thước 4 tấc bọc tấm ván lại rồi trao cho đứa trẻ và khấn rằng: "Tinh của Mộc Tinh, sáng sửa khắp trời, để mà viết chữ, người nên học thành tài". Đứa trẻ vâng cúi nhận bảng ngạch, đứng lên đặt ở trên bàn, một lát sau vái tạ tiên thánh 4 vái, vái rồi nhận ván, vái lạy thầy 4 vái. Lại lấy bút hươu lên đứa bé, khấn rằng: "Hoàng đế làm ra, Mông Diêm chế tạo, người nên viết nó, để sửa việc văn". Lại lấy đầu gà đưa cho đứa bé mà khấn rằng: "Gà có năm đức/ Giữ tín lúc giờ Thìn/ Nghe gà gáy mà dậy/ Học để mà biết". Việc xong, dẫn đứa bé đến vái tạ chào thần (4 vái), đứng lên, đứng thẳng, hoá lễ rồi kết thúc (cơm thừa đều cấm phụ nữ ăn). Ngày hôm ấy chọn giấy làm sách, viết bằng mực son. Ngày hôm sau bắt đầu tập viết câu: "Thượng đại nhân/ Thánh ất dĩ/ Hoá tam thiên/ Thất thập sĩ/ Nhĩ tiểu sinh/ Bát cử tử/ Giai tác nhân/ Khả tri lễ dĩ"¹ (Oánh, tờ 11b - 15).

1 Nguyên văn: "凡入小學消滯吉良，預先一日齋戒，排設正中一桌【牌先師孔子位】左右兩卓【祀四配】東向一桌【祀先師】當中香案一張【置祝板及燈燭基】案前置一矮桌【上置木板一片，長六寸，寬四寸五分，墨以粉，包板錦三尺四寸，新筆五雙，黃紙五張，硃五丸，土磁二口，淨盞一口，三崎水一壺，小鏡一面，小刀一把，小燈一座】，左設盥洗一座【帨巾一尺五寸】。貴者加牲幣。常隻用雄鷄一隻，

鯉魚四尾，粢盛六盤，酒菓，金銀，美菑用足，脯肉一片【旁祀先師】，燈燭四雙，酒盞十口。行禮儀節：序立【祭主前立，童子後隨】，迎聖，鞠躬拜【凡四】，平身，詣香案前，跪祝：安南國，△府，縣，社，臣阮△，今有親子生【或孫或弟子】，年生干歲，擇滯吉日，願入小學，受業於先聖先師，伏望降臨。俯伏。興。平身。復位初獻禮。詣盥洗所，盥洗【祭主與童子俱洗】。帨巾。詣香案前，跪獻爵【只正

Ngoài việc mô tả nghi lễ “nhập học” và “khai bút” khá trang trọng có liên quan đến các chữ “*Thượng đại nhân...*” (và các chữ “*thiên tích thông minh, thánh phù công dụng*”), đáng chú ý là Nguyễn Huy Oánh cung cấp một “phiên bản Việt Nam” của văn bản 25 chữ với 2 thay đổi quan trọng: dùng chữ “Thánh” 聖 (thay cho các chữ “*Khâu*”/ “*Khổng*”/ “*Mỗ*”) và chữ “*Giai*” 皆 (thay cho chữ “*Giai*” 佳).

Cách Nguyễn Huy Oánh không lâu sau, một người có tên hiệu là Đan Sơn cư sĩ trong cuốn tạp kí *Sơn cư tạp thuật* cũng có ghi lại hiện tượng đó. Thiên “*Thượng đại nhân*” nằm trong quyển I sách này chép như sau:

“Trẻ nhỏ mới bắt đầu học chữ, ắt viết dòng sau: “*Thượng đại nhân, Khâu* [Nguyên chú: Chữ “*khâu*” (丘)

nay viết là “*thánh*” (聖)] ất dĩ, hoá tam thiên, thất thập sĩ, nhĩ tiểu sinh, bát cử tử, giai [Nguyên chú: chữ “*giai*” 佳 nay viết là “*giai*” 皆] tác nhân, khả tri lễ dĩ”. Cả thiên hạ đều như vậy, không biết bắt đầu từ đâu. Sách *Thuỷ Đông nhật kí* nói: “Học sĩ họ Tống cuối đời giỏi viết cái này, ắt biết nguồn gốc từ đâu. Trong sách *Thuyết phu* cũng ghi việc đó. Đại đế chọn số nét chữ ít, trẻ con dễ nhớ, dễ nhận mặt chữ. Sách *Ổi đàm* của Chúc Chi Sơn viết: “Đây là thư *Khổng Tử* dâng lên cha mình vậy [...] 70 đệ tử giỏi làm điều nhân, thì với lễ có thể biết được vậy.” Trẻ con nước ta nhập học, ắt viết [thêm] 2 câu “*thiên tích thông minh, thánh phù công dụng*”. [Tục này] không biết từ đâu. Có người nói: “*Bắt đầu từ Lê Văn Hưu*”¹ (Đan Sơn, tờ 14a-b).

中一位】，俯伏，興，平身少卻，跪宣祝：維皇號歲次干支△月干支朔起△日干支△府縣社。祭主具官阮△，今為小子△初入小學，謹以△物敢昭告于至聖先師孔子。位前。恭惟：王祖述堯舜，憲章文武，刪定六經，垂訓萬世。古茲訓童蒙恭陳祀殺，尚鑒至誠，下垂善誘，學進循循，岸登步步，帳卷萬通，科目疊取，道統得傳，斯文永壽。以伏：兗國復聖公【顏子】，沂國述聖公【子思】，邾國宗聖公【曾子】，邾國宗聖公【孟子】。配尚享。俯伏。興。平身。行亞獻禮。跪。獻爵【分獻各位】俯伏。興。平身。行終獻禮。跪。獻爵【分獻各位】俯伏。興。平身。復位。盥洗。詣桌子所【西向立，取小刀，剪黃紙畫符】以硃筆熏香煙上祝曰：太上授符，進平傳習，五臟開明，聞一知十，祝畢畫符。【...】畫訖，取三崎水，傾淨盞中，以鏡浸水中【貴者用明珠】，仍焚符三道，攬入盞中，授童子飲。祝曰：太上授符，進平傳習，五內開明，聞一知十。又以鯉眼雙精授與童子。祝曰：至聖名字為魚之伯，雙眼汝吞，聰明天錫。又授硃與童磨，祝曰：太陽之精，下藏于地，汝宜磨之，以脩文事。

仍以硃筆題于板：上大人，聖乙己【旁題年月日受板，後卞：天錫聰明，聖扶功用】，以帛包三尺四寸包板，授與童子祝曰：木星之精，震方惟明，以書文字，汝宜習成。童子捧受，加頭起，立置桌上，少卻拜謝先聖四拜，次拜授板先生四拜，又以筆授童子，祝曰：皇帝所造，蒙恬所制，汝宜寫之，以脩文事。又以鷄頭授童子，祝曰：鷄有五德，取信辰時，聞聲而起，學而知之。事完，率童子辭神。鞠躬拜【凡四】。興。平身。焚祝。禮畢【飯餘並禁婦女食】。即日取紙釘書，以硃寫。遂日學習：又以上大人。聖乙己。化三千。七十士。爾小生。八九子。皆作仁。可知禮也。”

1 Nguyên văn: “小兒初習字必書上大人，丘乙己【丘今作聖】，化三千，七十士，爾小生，八九子，佳作仁【佳今作皆】，可知禮也。天下同然，不知何起。水東日記言：宋學士晚年喜寫此，必知所自。又說郭中亦記之，大抵取筆畫稀少，童子易於試認耳。祝枝山猥談云：此孔子上其父書也。【...】七十子善為仁，其於禮可知也。我國童子入學，必書天賜聰明，聖扶功用兩句。不知何自。或曰何始自黎文休”。

Phần ghi chép trong *Sơn cư tập thuật* về tập tục khai bút "*Thượng đại nhân...*" có hai điểm đặc biệt. Trước hết, đa phần những ghi chép trên kế thừa thiên "*Thượng đại nhân*" trong *Kiên hồ tập* (Quyển IV, Tập 9) của Chủ Nhân Hoạch¹. Điều đó cho thấy, các trí thức người Việt thời trung đại biết đến tập tục viết chữ "*Thượng đại nhân...*" qua nhiều thư tịch của Trung Quốc. So với tư liệu của Chủ Nhân Hoạch, nội dung được Đan Sơn cư sĩ ghi chép không có gì thay đổi trừ một số "cước chú" quan trọng và đoạn cuối cùng: "Trẻ con nước ta... Lê Văn Hưu". Những cước chú này cho biết, đương thời (ở thời điểm cước chú) chữ "*Thánh*" được dùng thay cho chữ "*Khâu*"; chữ "*Giai*" 佳 được dùng thay cho chữ "*Giai*" 皆). Không rõ người "cước chú" là ai (Đan Sơn hay người sao chép văn bản *Sơn cư tập thuật*, nhưng thời điểm "cước chú" dao động trong khoảng thời gian từ cuối thời Lê đến đầu thời Nguyễn, căn cứ vào niên đại văn bản sao chép A.882). Vì vậy, cước chú phản ánh thời điểm văn bản 25 chữ được sử dụng tại Việt Nam trong khoảng thời gian đó. Còn câu "*thiên tử thông minh, thánh phù công dụng*" cho thấy hiện tượng bổ sung, thêm thắt sau 25 chữ để trẻ con tập viết diễn ra tại Việt Nam trong giai đoạn này. Tiếp theo, những ghi chép khác biệt của Đan Sơn so với Chủ Nhân Hoạch lại tương đồng với ghi chép của Nguyễn Huy Oánh

(trong phần mô tả những câu chữ được viết thêm sau văn bản 25 chữ), làm tăng thêm tính xác tín cho những thông tin liên quan đến những đặc thù của thực hành tập tục khai bút "*Thượng đại nhân...*" tại Việt Nam. Sự tương đồng giữa hai văn bản cho thấy tập tục khai bút này tại Việt Nam đã được duy trì một cách thống nhất và ổn định.

Một tư liệu khác có đề cập đến tục viết chữ "*Thượng đại nhân...*" là cuốn *Technique du peuple Annamite (Kỹ thuật của người An Nam)* do Henri Oger biên soạn, chú thích và thuê vẽ (phát hành năm 1909). Trong tư liệu này, có hai bức vẽ nhan đề "Trẻ con tập viết" (釋習曰). Một bức vẽ đưa trẻ đang viết chữ "*Thượng đại nhân*" (上大人) (Oger, 1909, tr.338) (xem Hình 3 - Trái); một bức vẽ đưa trẻ đang viết các chữ: "*Thượng đại nhân, Thượng đại vương ất dĩ*" (上大人, 上大王乙己) (Oger, 1909, tr.28) (Xem Hình 3 - Phải). Chữ "vương" (王) trong bức thứ hai có thể là do họa sĩ viết sai chữ "khâu" (丘) sang vì tự dạng khá gần gũi. Nhưng cũng có thể chữ "vương" chính là chữ "thánh" (聖) bị vẽ lầm sang (do trong chữ thánh cũng có một bộ phận là chữ "vương"). Hai bức tranh này phản ánh tập tục "khai bút", "tập viết" của trẻ em thời Nguyễn.

Nhìn chung, qua các tư liệu trên, có thể thấy tập tục trẻ em tập viết các chữ

1 Chủ Nhân Hoạch lại chép lại phần lớn ghi chép trong sách *Ôi đàm* của Chúc Doãn Minh (Chúc, 1989; Chữ).

“*Thượng đại nhân...*” khi khai bút đã được duy trì một cách tương đối liên tục trong suốt các thời Trần, Lê, Nguyễn. Bên cạnh việc xuất hiện trong các văn bản khai bút của trẻ em sơ học như trên, các dị bản của 25 chữ “*Thượng đại nhân...*” còn được tìm thấy trong một số văn bản khác mang màu sắc nghi lễ, tôn giáo. Một cuốn gia phả của dòng họ Lê ở làng Cổ Hiền, xã Hiền Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình vào cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX¹ có ghi chép lại một bài mẫu văn tế Đình², trong đó có câu văn chịu ảnh hưởng của văn bản “*Thượng đại nhân...*”, tuy nhiên chỉ lưu lại đoạn “*thánh ất dĩ*” với sự biến tấu như sau: “*Cung duy thánh sư, san thuật lục kinh, thụ huấn vạn thế, sinh*

dân dĩ lai, duy thánh ất dĩ” (恭惟聖師，刪述六經，垂訓萬世，生民以來，惟聖乙己) [Kính nghĩ Thánh sư, dọn kể sáu kinh, truyền dạy vạn thế, dân chúng xưa nay, chỉ có ngài mà thôi] (Khuyết danh a, tr.69a). Một phiên bản sấm kí Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm 阮秉謙 (1491 – 1585) nhưng có lẽ là nguyên tác vào khoảng cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX, cũng có những câu thơ mang dáng dấp biến tấu của câu “*Thượng đại nhân...*” như sau: “*Thượng đại nhân bất nhân/ Thánh ất dĩ vong ân/ Bạch hổ kim đai ấn/ Thất thập cổ lai xuân*” (上大人不仁、聖乙己忘恩，白虎金帶印，七十古來春)³ (Khuyết danh c, tr.10a).



Hình 3. Hình ảnh trẻ em tập viết chữ “*Thượng đại nhân*” trong *Kỹ thuật người An Nam* của Henri Oger (1909, tr.28, tr.338)

1 Tư liệu do anh Trương Thiên Lộc (Thành phố Hồ Chí Minh) sưu tầm và cung cấp. Nhân đây, chúng tôi xin trân trọng cảm ơn anh!

2 Tế Đình (hay còn gọi là Đình tế 丁祭): Chỉ một nghi thức tế lễ Khổng Tử, được chế định từ năm Thuận Trị 順治 thứ 2 (1645), diễn ra hai lần mỗi năm vào mùa xuân và mùa thu. Buổi lễ thường được tổ chức long trọng tại các văn miếu, trong lễ thường đọc bài văn tế Khổng Tử cùng các vị tiên hiền (Nhí, 2007; Các, 2010).

3 Cùng với những tác phẩm được xem là “sấm Trạng Trình” khác, bài thơ này lưu truyền rộng rãi tại Việt Nam qua nhiều ấn bản Quốc ngữ trong giai đoạn đầu thế kỉ XX như: cuốn Sấm Trạng Trình, thuộc bộ Quốc học tùng thư của Sở Cường Lê Dư (1884 – 1967) do Nam Ký xuất bản tại Hà Nội (1930), Sấm Trạng Trình in trong phụ chương Khoa học huyền bí của Tiểu thuyết nhật báo do Mai Lĩnh xuất bản năm 1939 và Sấm Trạng Trình diễn giải, xuất bản tại nhà in Rạng Đông, Sài Gòn năm 1963 (Khuyết danh b, 1964; Quế, 2016).

2.2.3. Các phiên bản "Thượng đại nhân..." lưu hành tại Việt Nam

Về mặt văn bản, có thể thấy văn bản lưu hành ở Việt Nam có 2 phiên bản "Thượng đại nhân...". Vào thời Trần - Hồ, văn bản tồn tại với 25 chữ có lẽ tương tự như ở Trung Quốc (*Thượng đại nhân, Khổng ất dĩ...*) (Lí). Sau đó, muộn nhất tới thời Lê Trung hưng, văn bản đã chuyển thành 25 chữ: "*Thượng đại nhân/ Thánh ất dĩ/ Hoá tam thiên/ Thất thập sĩ/ Nhĩ tiểu sinh/ Bát cử tử/ Giai tác nhân/ Khả tri lễ dĩ*"¹ (上大人。聖乙巳。化三千。七十士。爾小生。八九子。皆作仁。可知禮也) (Nguyễn Huy Oánh; Đan Sơn). Điều đó cho thấy, về cơ bản, các nhà nho Việt Nam vào thời Trần - Hồ đã tiếp thu văn bản chính thống, chính thức, phổ biến nhất ở Trung Quốc (25 chữ). Từ thời Lê Trung hưng, ở Việt Nam vẫn bảo lưu số lượng 25 chữ trong văn bản trên, song đã có sự khác biệt nhất định ở hai chữ "*Thánh*" (聖) và chữ "*Giai*" (皆). Chữ "*Thánh*" có lẽ là một nỗ lực hưởng ứng việc "tị huý" tên Khổng Tử một cách triệt để nhất, đồng thời đề cao hơn nữa vị thế của Khổng Tử (so với các chữ "*Khâu*", "*Khổng*", "*Mỗ*",... được áp dụng ở Trung Quốc), thể hiện sự sùng thượng Nho giáo ở Việt Nam đương thời. Chữ "*Thánh*" cũng đi kèm, hô ứng với một tập tục mới ở Việt Nam, thể hiện qua việc bổ sung dòng chữ "*Thiên tích thông minh, Thánh phù công dụng*"

xuất hiện trong nghi thức "nhập học", tập tục "khai bút" có tính chất tâm linh (như ghi chép của Nguyễn Huy Oánh) hay được "viết thêm" sau 25 chữ (như ghi chép của Đan Sơn). Chữ "*giai*" có thể là một nỗ lực "thuyên thích" lại mệnh đề "*giai tác nhân*" (佳作仁) [đẹp thì làm việc nhân - có vẻ khó hiểu và do đó đã gây tranh cãi ở chính Trung Quốc từ xưa đến nay] thành "*giai tác nhân*" (皆作仁) [đều làm điều nhân] có vẻ sáng rõ, dễ hiểu hơn. Còn dòng chữ "*Thiên tích thông minh, Thánh phù công dụng*" có lẽ vừa là bài tập thêm cho trẻ nhỏ vừa là một thông điệp mang ý nghĩa tâm linh (cầu may, chúc phúc). Như vậy, ở đây, về văn bản, ngoài sự tiếp nhận tương đối trọn vẹn văn bản "Thượng đại nhân..." từ Trung Quốc, đã có sự cải biến nhất định, thể hiện cách hiểu, cách thực hành tập tục khai bút "Thượng đại nhân..." của các nhà nho Việt Nam thời tiền hiền đại.

2.2.4. Mục đích, ý nghĩa và đặc điểm của tập tục

Mục đích, ý nghĩa của tục khai bút "Thượng đại nhân..." không được các tác giả bàn luận, nhưng bản thân việc lựa chọn và thực hành dạy viết 25 chữ đó cho trẻ em trong ngày nhập học đã thể hiện mục đích, ý nghĩa của việc này. Theo đó, mục đích chính của việc "khai bút" này là khởi đầu việc dạy viết chữ Hán (dạy "văn") cho trẻ em bằng những chữ đơn giản, ít nét, hoặc những chữ

¹ Các chữ được gạch dưới là những chữ khác với văn bản thời Trần-Hồ.

quan trọng về mặt ngữ nghĩa, gắn với đạo Nho (như chữ “*thánh*”, chữ “*lễ*”, ...). Mục đích thứ hai của tập tục này là kết hợp truyền dạy cho trẻ nhỏ tinh thần sùng thượng đạo Nho (sùng thượng thánh nhân – Khổng Tử và tiên hiền – các học trò của Khổng Tử, đề cao hai phạm trù quan trọng hàng đầu của Nho gia là “*nhân*” và “*lễ*”). Như vậy, các nhà nho Việt Nam đã rút khoát lựa chọn ý nghĩa “sùng thánh, tôn đạo” trong văn bản “*Thượng đại nhân...*”. Đó cũng là một sự “*giản hoá*” cách diễn giải về 25 chữ so với những cách hiểu phức tạp, đa dạng ở Trung Hoa (Đan Sơn cư sĩ có giới thiệu nhiều cách hiểu của các nhà nho Trung Quốc đối với 25 chữ này bằng cách trích dẫn lại *Kiên biểu tập*, nhưng ông không chỉ rõ những điểm mình tiếp thu hay đồng thuận. Có vẻ như ông tránh làm điều đó như một sự từ chối ngầm tính phức tạp, đa dạng của vấn đề). Thứ ba, tục viết chữ “*Thượng đại nhân...*” tại Việt Nam còn mang ý nghĩa tâm linh. Việc bổ sung dòng chữ “*Thiên tích thông minh, Thánh phù công dụng*” sau 25 chữ, cùng những nghi lễ cầu cúng khá cẩn thận đi kèm trong ngày nhập học của trẻ cho thấy tục viết chữ “*Thượng đại nhân...*” tại Việt Nam gắn với việc thờ phụng Thánh Khổng, cùng với đó là mong muốn cầu chúc cho đứa trẻ thông minh, học hành tấn tới, thành đạt, cũng như đạo Nho được nối dài.

Như đã nói, một trong những đặc điểm cơ bản của tập tục viết chữ “*Thượng đại nhân...*” tại Việt Nam là sự gắn liền với các nghi lễ hoặc những hoạt

động mang tính tâm linh, từ nghi thức nhập học cho trẻ cho đến những phiên bản phái sinh như văn tế Khổng Tử, sấm kí “*Trạng Trình*”... Những hoạt động/ nghi thức này thể hiện sự giao thoa giữa Nho giáo, Đạo giáo, cũng như các tín ngưỡng dân gian. Nếu ở Trung Quốc, việc viết chữ “*Thượng đại nhân...*” chỉ như một bài tập tô chữ quen thuộc dành cho trẻ, thì tại Việt Nam, đứa trẻ cũng được tập viết theo các phương thức giống như vậy: dùng bản mẫu (bằng bảng gỗ, hoặc giấy, viết chữ bằng bút đỏ), sau đó cho trẻ con (khoảng 6 tuổi) mặc theo để tập viết. Điểm đặc biệt tại Việt Nam là việc tập viết chữ của trẻ được biến thành một nghi thức khá trang trọng, thiêng liêng, mở đầu cho việc nhập học, như mô tả của Nguyễn Huy Oánh trong *Sơ học chỉ nam* cùng một số thông tin được xác nhận trong *Sơn cư tập thuật* của Đan Sơn cư sĩ. Các yêu cầu được thực hiện trong nghi lễ như trai giới, bày biện hương án, chuẩn bị đồ cúng tế, lễ và khấn theo trình tự, sử dụng phù lục, cấm kị... đều mang hình bóng của Đạo giáo và tín ngưỡng dân gian. Tuy nhiên, mục đích sau cùng của nghi lễ vẫn là bồi đắp niềm tin, niềm kính ngưỡng của đứa trẻ (rộng hơn nữa là của cộng đồng) đối với Khổng Tử và các bậc tiên hiền, qua đó củng cố vị thế, quyền lực của Nho giáo trong đời sống. Việc thực hiện tập tục khai bút này tại Việt Nam rõ ràng có sức ảnh hưởng sâu rộng, thể hiện qua việc cụm “*Thượng đại nhân, thánh ất dĩ*” được tái sử dụng trong bài văn tế Khổng Tử, hay bị biến cải trong sấm kí “*Trạng Trình*” cuối thế

kỉ XIX – đầu thế kỉ XX. Việc sử dụng lại cụm “*Thượng đại nhân...*” khi thực hiện lễ tế Đỉnh không nằm ngoài mục tiêu củng cố quyền lực Nho giáo. Trong khi đó, sự hiện diện của cụm này trong bài sấm thi qua một hình thức biến cải “*Thượng đại nhân bất nhân/ Thánh ất dĩ vong ân*” dường như lại là một hành động giễu nhại hướng tới những tầng lớp quan chức, vua chúa đi ngược lại những giá trị đạo đức Nho gia, qua đó dự báo những vấn đề chính trị, đạo lí. Tuy nhiên, suy cho cùng, tác phẩm sấm thi này vẫn coi những giá trị được đề cập trong câu “*Thượng đại nhân, thánh ất dĩ...*” là cốt lõi, cần phải gìn giữ. Có thể thấy, việc thực hành tập tục viết chữ “*Thượng đại nhân...*” tại Việt Nam có nhiều nguyên tắc về nghi thức hơn so với tại Trung Quốc, tuy nhiên đều tập trung vào việc củng cố vị thế, quyền lực của Nho giáo. Những ảnh hưởng và biến cải của tập tục này trong đời sống không xa rời mục đích đã nói trên.

2.3. Những khả thể và điều kiện cho sự du hành của một tập tục từ Trung Quốc đến Việt Nam

Trong điều kiện chưa tìm thấy những dấu vết rõ ràng về thời gian và con đường truyền nhập của tập tục khai bút “*Thượng đại nhân...*” vào Việt Nam, trước mắt ta có thể xem xét, luận giải một số khả thể hay những điều kiện cho phép tập tục này được lan truyền từ Trung Quốc và phát triển tại Việt Nam.

Trước hết, sự lan truyền của tập tục khai bút “*Thượng đại nhân...*” có lẽ đã diễn ra khá sớm trong không gian của

vùng văn hoá chữ Hán. Nền giáo dục, khoa cử Nho học được đề cao tại các quốc gia Đông Á khiến hoạt động học chữ, tập viết chữ Hán của trẻ em sơ học được đặc biệt coi trọng. Đó là động lực để các nhà nho tại Việt Nam quan tâm nghiên cứu, tìm hiểu những phương thức, tài liệu liên quan đến giáo dục Nho học từ sớm. Các chiếu dụ của Minh Thành Tổ được ghi lại trong *Việt Kiệu thư* về việc thiêu huỷ các thư tịch, văn bia tại An Nam trong giai đoạn cuối thế kỉ XV cho thấy tại Việt Nam đã có một nền văn hiến và việc triển khai giảng dạy chữ Hán cho trẻ em đã được thực hiện giống như tại Trung Quốc từ cuối thời Trần (thậm chí có thể sớm hơn rất nhiều, lên tận thời Đường khi lúc bấy giờ An Nam còn “nội thuộc” nhà Đường). Ghi chép của Nguyễn Huy Oánh hay Đan Sơn cư sĩ cũng cho thấy tập tục này được duy trì tại Việt Nam trước đó khá lâu (như theo *Sơn cư tạp thuật* là từ thời Lê Văn Hưu – tức thời Trần). Khoảng thời gian này hẳn phải đủ dài để tập tục vừa có thể du nhập vào Việt Nam, vừa tiếp tục biến đổi về văn bản, vừa phát triển được thành một nghi thức mới với đầy đủ nguyên tắc, yêu cầu như được mô tả trong *Sơ học chỉ nam*.

Cuộc du hành của tập tục khai bút “*Thượng đại nhân...*” có thể đi cùng với quá trình du nhập các “văn bản”, thư tịch từ Trung Quốc vào Việt Nam hoặc quá trình người Việt tiếp cận với các “văn bản”, thư tịch tại Trung Quốc trong những chuyến đi sứ... Đáng chú ý,

sự tiếp nhận ấy dường như không chỉ xảy ra một lần trong thời điểm đầu tiên tập tục du nhập, mà dường như còn tiếp tục diễn ra cho tới hậu kỳ trung đại, khiến hoạt động khai bút “*Thượng đại nhân...*” tại Việt Nam có thể diễn ra song hành và có sự tham khảo, lựa chọn, đối sánh với tập tục viết chữ này tại Trung Quốc. Cụ thể, thư tịch quan trọng nhất ghi nhận tập tục khai bút “*Thượng đại nhân...*” tại Việt Nam là *Sơ học chỉ nam* của Nguyễn Huy Oánh. Ông là một nhà nho đã từng tham quan nhiều trường tư thục tại Trung Quốc trong chuyến đi sứ năm 1766 - 1767 và sau đó đã thành lập trường học Phúc Giang (Phúc Giang thư viện) ở Hà Tĩnh (Nguyễn Tuấn Cường, 2020). Cuốn *Sơ học chỉ nam* của ông cũng là tài liệu sớm nhất tại Việt Nam có trích dẫn tư tưởng trong *Tam Tự Kinh* (Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Thị Tú Mai, 2020, tr.53). Có thể Nguyễn Huy Oánh cũng tiếp cận với nhiều tư liệu nhắc tới việc thực hiện tập tục viết chữ này tại Trung Quốc. Tuy nhiên, những tập tục khai bút “*Thượng đại nhân...*” được Nguyễn Huy Oánh miêu tả lại là kết quả của những thực hành tập tục đã diễn ra lâu dài tại Việt Nam và có sự biến cải so với văn bản khai bút tại Trung Quốc. Đan Sơn cư sĩ lại thông qua *Kiên hồ tập* của Chủ Nhân Hoạch để nắm bắt việc thực hành tập tục khai bút này tại Trung Quốc, có sự đối chiếu với những thực hành riêng biệt tại Việt Nam. Đan Sơn cư sĩ cũng là một nhà

nho có tham gia vào việc dạy học¹. Như vậy, các nhà nho hoàn toàn ý thức được cách thực hành tập tục khai bút “*Thượng đại nhân...*” tại Trung Quốc, bảo lưu chúng và tiếp tục phát triển, biến cải việc thực hành tập tục này tại Việt Nam.

Sự phát triển của những tập tục khai bút “*Thượng đại nhân...*” tại Việt Nam trong giai đoạn thế kỉ XVIII có thể liên quan tới nhu cầu đẩy mạnh giáo dục Nho học cũng như tăng quyền cho Nho giáo tại Việt Nam thời hậu kỳ trung đại. Sự du nhập tập tục khai bút “*Thượng đại nhân...*” có thể diễn ra sớm (thế kỉ XV – XVI). Nhưng sau khi tiếp nhận, các nhà nho Việt Nam không chỉ ứng dụng tập tục này một cách hoàn chỉnh như tại Trung Quốc, mà còn tiếp tục phát triển nó thành một tập tục với nhiều trình tự, được duy trì trong xã hội và có tầm ảnh hưởng sâu rộng. Quá trình phát triển này có thể diễn ra muộn hơn (thế kỉ XVII-XVIII). Việc đẩy mạnh tập tục khai bút “*Thượng đại nhân...*” hay việc ứng dụng câu “*Thượng đại nhân...*” trong lễ tế Đình đều góp phần “thánh hoá” Khổng Tử và các học trò, biến họ trở thành những nhân vật được thờ phụng trong đời sống tín ngưỡng của đại chúng. Dưới hình thức của những tập tục Đạo giáo và các tín ngưỡng dân gian (như tế lễ, bùa chú), các nhân vật của Nho giáo được tăng thêm sự màu nhiệm, kì bí, qua đó thu phục nhân tâm,

1 Trần Thị Kim Anh nhận xét rằng: “Trong sách đề cập đến những chuyện chi tiết của sĩ lâm và tăng lớp thầy đồ đương thời, thì có thể phán đoán là tác

giả cũng từng ứng thí và dạy học” (Anh và Viên, 2011, tr.146).

củng cố niềm tin của con người trong xã hội đối với “đạo Khổng”. Tập tục được thực hành với trẻ em (khoảng 6 tuổi), có thể xem là một nỗ lực để “định hướng” con người trong xã hội Nho giáo từ rất sớm. Việc thực hành tập tục này có lẽ cũng nằm cùng mạch với các hoạt động đẩy mạnh giáo dục Nho học cho trẻ em khác sẽ được khai triển tiếp tục trong giai đoạn thế kỉ XVIII-XIX (chẳng hạn như việc giải âm, diễn âm, thích nghĩa *Tam Tự kinh* (Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Thị Tú Mai, 2020) hay *Tam thiên tự* (Nguyễn Thanh Tùng, 2022)). Mặt khác, con đường tiếp nhận và thực hành tập tục khai bút “*Thượng đại nhân...*” tại Việt Nam cũng cho thấy một quy luật tiếp biến văn hoá điển hình tại Việt Nam thời trung đại, đó là vừa tiếp thu, vừa biến cải tri thức vùng Đông Á để phù hợp với những yêu cầu, hoàn cảnh tại Việt Nam.

3. Kết luận

Dạy học chữ Hán nói riêng và giáo dục Nho học nói chung ở Việt Nam và Trung Quốc thời tiền hiện đại có mối quan hệ mật thiết, thậm chí song hành. Tập tục khai bút tập viết 25 chữ “*Thượng đại nhân...*” là một trường hợp nhỏ nhưng cho thấy rõ điều đó. Kết quả khảo cứu tập tục này cho thấy cội nguồn Trung Quốc và sự du hành của nó sang Việt Nam thời tiền hiện đại. Tuy nhiên, con đường du hành của tập tục này tại Việt Nam diễn ra không thuần nhất mà có sự biến cải. Đây là một hiện tượng lan truyền - tiếp biến có tính khu vực, nằm trong “vòng khuyên văn hoá

chữ Hán”. Việc lan truyền - tiếp biến góp phần phát triển việc dạy học chữ Hán cho trẻ nhỏ ở Việt Nam xưa bước vào con đường Nho học đăng lập thân, lập nghiệp. Ở đó, các nhà nho Việt Nam khi tiếp thu, áp dụng tập tục này đã có những lựa chọn dứt khoát, rõ ràng, giản hoá, theo quan điểm chính thống, và phần nào thể hiện cách hiểu, cách diễn giải riêng của họ. Đồng thời, tập tục khai bút “*Thượng đại nhân...*” tại Việt Nam cũng tiếp tục được phát triển thành một nghi lễ có tính tâm linh, huy động các phương tiện của tôn giáo, tín ngưỡng bình dân để nhằm phục vụ những mục đích thiết thực (đỗ đạt, nâng cao uy thế của chữ Hán, của Nho giáo...). Đó là những thay đổi tất yếu, khi một tri thức được du hành từ một hệ không - thời gian nguyên uỷ tới một hệ không - thời gian mới. Sẽ cần có thêm nhiều thiết chứng để có thể chắc chắn hơn về con đường du nhập của tập tục này tại Việt Nam, cũng như làm rõ hơn nữa sức lan truyền của tập tục này tại khu vực Đông Á (ở những địa bàn như Nhật Bản, Korea...), nhưng tất cả những điều đó sẽ là câu chuyện của tương lai.

Tài liệu tham khảo

- Chúc Doãn Minh 祝允明 (1989), *Ổi đàm* 猥談, Thượng Hải cổ tịch xuất bản xã 上海古籍出版社, Thượng Hải 上海.
- Chử Nhân Hoạch 褚人獲, *Kiên hồ cửu tập* 堅瓠九集, Quyển chi tứ 卷之四, chưa rõ niên đại, tàng trữ tại Thư viện Đại học Bắc Kinh 北京大

- 學圖書館, đăng tải trên Trung Quốc triết học thư điện tử hoá kế hoạch 中國哲學書電子化計劃: <https://ctext.org/library.pl?if=gb&file=38292&page=1> (Truy cập ngày 30/5/2023).
- Diệp Thịnh 葉盛, *Thủy Đông nhật ký* 水東日記, Quyển 10 卷 10, Dưỡng An viện tàng thư 養安院藏書, Thư viện Đại học Tsukuba 筑波大學圖書館 (Nhật Bản), đăng tải trên Thư viện National Institute of Japanese Literature 国文学研究資料館 (NIJL): http://base1.nijl.ac.jp/iview/Frame.jsp?DB_ (Truy cập ngày 30/5/2023).
- Đan Sơn cư sĩ 丹山居士 (thế kỉ XVIII), *Sơn cư tạp thuật* 山居雜述, Viện Nghiên cứu Hán Nôm, kí hiệu: A.882.
- Đào Tông Nghi 陶宗儀, *Thuyết phu* 說郛, Trung Quốc triết học thư điện tử hoá kế hoạch 中國哲學書電子化計劃: <https://ctext.org/library.pl?if=gb&res=6309&remap=gb> (Truy cập ngày 30/5/2023).
- Đặng Khải 鄧凱 (2015), “Thượng đại nhân văn bản truyền bá trung công năng dữ hàm nghĩa đích biến thiên” 上大人” 文本传播中功能与涵义的变迁, *Trung Nam đại học học báo (Xã hội khoa học bản)* 中南大学学报 (社会科学版), quyển 21 第 21 卷, số 5 第 5 期, tháng 10 10 月, 頁 198-203.
- Harding, Sue-Ann (2020), *Travelling theory*, in: Mona Baker and Gabriela Saldanha (edited), *Routledge Encyclopedia of Translation Studies* (Third Edition), Routledge, London and New York, pp.611-615
- Hoàng Lương Xá (2009), “Lí thuyết du hành và Orientalism ở Đông Á”, trong: Nhiều tác giả (2009), *Nghiên cứu văn học Việt Nam: Những khả năng và thách thức*, NXB Thế giới, Hà Nội, tr.97-140.
- Hồng Thục Linh 洪淑苓 (2021), “Cải lương, tân dạng, tối tân - Mân Nam ngữ ca tử sách trung đồng mông độc vật đích nội hàm dữ đặc sắc” 改良、新樣、最新 - 閩南語歌仔冊中童蒙讀物的內涵與特色, trong: Giang Bách Vĩ 江柏煒 (Chủ biên, 2021), *2021 Mân Nam văn hoá quốc tế học giới nghiên thảo hội* 「2021 閩南文化國際學術研討會」論文集, Kim Môn huyện văn hoá cục Đào Viên thị chính phủ văn hoá cục cộng đồng xuất bản 金門縣文化局桃園市政府文化局共同出版, tr.177-203.
- Hứa Khâm Văn 許欽文 (1961), *Ngữ văn khoá học Lỗ Tấn tác phẩm đích giáo học* 语文课中鲁迅作品的教学, Thượng Hải giáo dục xuất bản xã 上海教育出版社, Thượng Hải 上海.
- Khuyết danh a, *Gia phá họ Lê* (làng Cổ Hiền, xã Hiền Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình), Tài liệu sưu tầm cá nhân.
- Khuyết danh b (1964), *Sấm Trạng Trình giảng giải*, Nhà in Rạng Đông, Sài Gòn.
- Khuyết danh c, *Trình tiên sinh quốc ngữ* 程先生國語, Viện Nghiên cứu Hán Nôm, kí hiệu: AB.444.
- Lí Văn Phượng 李文鳳, *Việt kiệt thư* 越嶠書, Quyển 1 - Quyển 4, Bản Bình Nhai thư ốc 平崖書屋, in trong: *Tứ khố toàn thư tồn mục tùng thư* 四庫全書存目叢書, Sử

- bộ 162 史部 162, Tề Lỗ thư xã xuất bản phát hành 齊魯書社出版發行, Tế Nam 濟南.
- Lỗ Tấn, *Truyện ngắn Lỗ Tấn* (Trương Chính dịch, 2022), NXB Kim Đồng, Hà Nội.
- Lương Chương Cừ 梁章鉅, *Quy điền toả kí 歸田瑣記* (Quyển 6), Trung Quốc triết học thư điện tử hoá kế hoạch 中國哲學書電子化計劃: <https://ctext.org/wiki.pl?if=gb&chapter=490374&remap=gb> (Truy cập ngày 30/5/2023).
- Ngô Sĩ Liên, Phạm Công Trứ, Lê Hy & cộng sự, *Đại Việt sử kí toàn thư* (Viện Sử học dịch, 1998), 3 tập, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
- Ngô Thừa Ân, *Tây du kí* (Thụy Đình dịch, 2020), NXB Văn học, Hà Nội.
- Nguyễn Huy Oánh 阮輝瑩, *Sơ học chỉ nam 初學指南*, Viện Nghiên cứu Hán Nôm, kí hiệu: A.1634.
- Nguyễn Tá Nhí (2007), "Tìm hiểu thêm về các vị tiên hiền tiên nho được tòng tự ở văn miếu văn chỉ của Việt Nam".
<http://www.hannom.org.vn/detail> (Truy cập ngày 30/5/2023).
- Nguyễn Thanh Tùng (2018), "*Sơ học chỉ nam* - một cuốn sách hướng dẫn học tập cho trẻ em ở Việt Nam thế kỷ XVIII", *Nghiên cứu Hán Nôm năm 2018*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, tr.808 - 822.
- Nguyễn Thanh Tùng (2022), "Tư liệu và thông tin mới về sách *Tự học toàn yếu*", *Nghiên cứu Hán Nôm năm 2022*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, tr.837-855.
- Nguyễn Tuấn Cường (2020), "Private Academies and Confucian Education in 18th-Century Vietnam in East Asian Context: The Case of Phúc Giang Academy", in: Vladimir Glomb, Eun-Jeung Lee, and Martin Gehlmann (edited), *Confucian Academies in East Asia*, Brill, Leiden, pp.89-125.
- Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Thị Tú Mai (2020), *Người xưa dạy trẻ: Tam Tự Kinh và giáo dục ngữ văn ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
- Nhậm Chiêm Bằng 任占鵬 (2021), "Luận Đường đại Đôn Hoàng mông thư *Thượng đại phu* dĩ hậu thế *Thượng đại nhân* đích quan hệ" 论唐代敦煌蒙书《上大府》与后世《上大人》的关系, *Chiết Giang sư phạm đại học học báo (Xã hội khoa học bản)* 《浙江师范大学学报》(社会科学版), 第 3 期 kì 3, 第 46 卷 quyển 46, 頁 42 - 52.
- Oger, Henri (1908 - 1910?), *Technique du peuple Ammamite*, Volume des Plances (2), Geuthner, Paris, Digital Collections of Keio University Library (Nhật Bản), kí hiệu : 4LB 7/2.
- Phạm Đan Quế (2016), *Giai thoại và sấm kí Trạng Trình*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
- Phổ Tế thiền sư 普濟禪師, *Ngũ đăng hội nguyên 五燈會元*, Quyển IV: <https://ctext.org/library.pl?if=gb&file=5080&page=1> (Truy cập tháng 7 năm 2023).
- Phổ Tế thiền sư 普濟禪師, *Ngũ đăng hội nguyên 五燈會元*, Quyển XIX: <https://ctext.org/library.pl?if=gb&file=5087&page=1> (Truy cập tháng 7 năm 2023).
- Said, Edward (1983), *The World, the Text and the Critic*, Harvard University Press, Cambridge, Massachusetts.
- Tạ Ứng Phương 謝應芳 (1986), *Quy sào tập 龜巢集*, Công ty trách nhiệm

hữu hạn cổ phần Thương vụ ấn thư quán 商務印書館股份有限公司, Đài Bắc 台北.

Tiền Đại Chiêu 錢大昭, *Nhĩ ngôn* 邇言 (Quyển 5), Trung Quốc triết học thư điện tử hoá kế hoạch 中國哲學書電子化計劃:

Nguồn:

<https://ctext.org/library.pl?if=gb&file=12869&page=88> (Truy cập ngày 30/5/2023).

Trần Quang Đức (2013), *Ngàn năm áo mũ*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.

Trần Thị Kim Anh, Tôn Cúc Viên, “Lời thuyết minh”, trong: Tôn Tồn 孫遜

, Trịnh Khắc Mạnh 鄭克孟, Trần Ích Nguyên 陳益源 (Chủ biên, 2011), *Việt Nam Hán văn tiểu thuyết tập thành* 越南漢文小說集成, Tập 17 第 17 集.

Trần Úc 陳鬱 (1988), *Tàng Nhất thoại du* 藏一話腴, Thượng Hải cổ tịch xuất bản xã 上海古籍出版社, Thượng Hải 上海.

Vương Lợi Khí 王利器 (1997), *Thượng đại nhân bị khảo* 上大人備考, Hoa Đông sư phạm đại học xuất bản xã 华东师范大学出版社, Thượng Hải 上海.